**THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí**

*(Kèm theo công văn số 7602/BTC-CST ngày 02/6/2025 của Bộ Tài chính)*

## Ngày 14/4/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025. Theo đó, việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương được thực hiện theo 02 cấp.

Việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương được thực hiện theo 02 cấp sẽ có ảnh hưởng đến mức thu, miễn, giảm phí, lệ phí do tại một số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) về phí, lệ phí có quy định mức thu, miễn, giảm phí, lệ phí được xác định theo địa bàn, vùng, miền. Vì vậy, cần thiết phải rà soát, đánh giá ảnh hưởng của việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương được thực hiện theo 02 cấp đến mức thu, miễn, giảm phí, lệ phí để đề xuất hướng xử lý phù hợp, kịp thời, tránh vướng mắc trong triển khai thực hiện.

Qua rà soát các khoản thu phí, lệ phí có mức thu chịu tác động của việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương được thực hiện theo 02 cấp, Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ**

Theo quy định của pháp luật phí, lệ phí thì Quốc hội chỉ quy định Danh mục (tên) từng khoản phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí và giao thẩm quyền cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH), Chính phủ, Bộ Tài chính và Hội đồng nhân dân (HĐND) cấp tỉnh quy định chi tiết từng khoản phí, lệ phí tương ứng được giao trong Danh mục.

Căn cứ quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Tài chính về thuế, phí, lệ phí và thu khác thuộc ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát các nội dung về mức thu, miễn, giảm phí, lệ phí được xác định theo địa bàn, vùng, miền bị tác động khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của UBTVQH, Chính phủ và Bộ Tài chính được quy định tại các VBQPPL về phí, lệ phí còn hiệu lực thi hành tại thời điểm rà soát.

Qua rà soát cho thấy:

- Về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của UBTVQH: có 02 khoản phí, lệ phí là án phí và lệ phí tòa án. Án phí và lệ phí tòa án hiện đang thực hiện theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Qua rà soát, nội dung mức thu, miễn, giảm của 02 khoản phí, lệ phí này không chịu tác động khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ: có 08 khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ (gồm: Phí bảo vệ môi trường (BVMT) đối với khai thác khoáng sản, phí BVMT đối với nước thải, phí BVMT đối với khí thải, phí sử dụng đường bộ, lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài, lệ phí nuôi con nuôi và lệ phí cấp phép của hoạt động tổ chức nuôi con nuôi nước ngoài) được quy định tại 06 Nghị định. Qua rà soát có 01 khoản lệ phí có nội dung mức thu, miễn, giảm chịu tác động khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp là *lệ phí trước bạ.*

Hiện nay, Bộ Tài chính đang hoàn thiện hồ sơ để xin ý kiến rộng rãi đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ.

- Về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính: có 212 khoản phí và 110 khoản lệ phí được quy định tại 143 Thông tư quy định thu các khoản phí, lệ phí theo thẩm quyền (không tính số lượng các Thông tư sửa đổi, bổ sung).

Qua rà soát có 08 khoản phí và 05 khoản lệ phí có nội dung mức thu, miễn, giảm phí, lệ phí được xác định theo địa bàn, vùng, miền. Cụ thể như sau:

*a) Nhóm 1:* Quy định đơn vị hành chính các cấp tại nội dung mức thu, miễn, giảm phí, lệ phí chỉ mang tính nguyên tắc, tuy nhiên không chịu tác động sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính (05 khoản phí và 01 khoản lệ phí tại 04 Thông tư), như: quy định miễn thu phí đối với tổ chức, cá nhân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; hoặc quy định xác định chi phí theo giá do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt.

*(Chi tiết tại mục I Phụ lục trình kèm)*

*b) Nhóm 2:* Quy định đơn vị hành chính các cấp tại nội dung mức thu, miễn, giảm phí, lệ phí chỉ mang tính nguyên tắc, tuy nhiên sau sắp xếp đơn vị hành chính không còn tồn tại các đơn vị hành chính này nữa (01 khoản phí và 04 khoản lệ phí tại 04 Thông tư), như: quy định mức thu phí, lệ phí xác định theo khu vực thành phố trực thuộc trung ương, khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh và các khu vực khác; quy định miễn lệ phí đối với công dân thường trú tại các huyện đảo…

*(Chi tiết tại mục II Phụ lục trình kèm)*

*c) Nhóm 3:* Quy định mức thu, miễn, giảm phí, lệ phí theo khu vực địa lý như Đồng bằng sông Hồng, Trung du, miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên… (02 khoản phí tại 02 Thông tư).

*(Chi tiết tại mục III Phụ lục trình kèm)*

Theo quy định tại Điều 1 dự thảo Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi), dự kiến có hiệu lực từ 01/7/2025 và thay thế Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 thì: (i) đơn vị hành chính cấp tỉnh bao gồm: tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (ii) đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh bao gồm: xã, phường, đặc khu.

Theo kết quả rà soát nêu trên, Bộ Tài chính đề xuất phương án xử lý đối với từng nhóm như sau:

\* Nhóm 1: Do sau sắp xếp các đơn vị hành chính này vẫn còn tồn tại nên không cần thiết sửa đổi, bổ sung các Thông tư thuộc nhóm này.

\* Nhóm 2: Do sau sắp xếp các đơn vị hành chính này không còn tồn tại nên cần phải sửa đổi, bổ sung để đảm bảo phù hợp với quy định tại dự thảo Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi). Theo đó, Bộ Tài chính sẽ ban hành 01 Thông tư sửa đổi, bổ sung các Thông tư.

\* Nhóm 3: Do tại thời điểm hiện nay chưa rõ việc phân chia vị trí địa lý theo khu vực sau sắp xếp đơn vị hành chính như thế nào nên chưa có cơ sở để đề xuất phương án sửa đổi cụ thể tại từng Thông tư. Tuy nhiên, để đảm bảo việc thực hiện thu phí, lệ phí thuận lợi sau khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính, Bộ Tài chính đề xuất nguyên tắc đối với các trường hợp này như sau: Đối với các khu vực địa lý có thay đổi sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính thì mức thu, miễn, giảm phí, lệ phí được áp dụng theo khu vực địa lý sau sắp xếp.

Bộ Tài chính sẽ đưa nội dung quy định này vào Thông tư sửa đổi, bổ sung các Thông tư tại nhóm 2 để đảm bảo đơn giản thủ tục hành chính. Sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính được hoàn tất, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các Bộ, ngành để sửa đổi tổng thể các Thông tư cho phù hợp.

Từ kết quả rà soát nêu trên, việc xây dựng và ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí để phù hợp với sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ**

- Việc ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí để phù hợp với sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp bảo đảm đồng bộ, thống nhất với pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật về phí, lệ phí.

- Nội dung Thông tư đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Kế thừa quy định hiện hành đang thực hiện hiệu quả, còn phù hợp, đảm bảo khả thi trong thực hiện.

**III. CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ**

**1. Về sửa đổi, bổ sung quy định về mức thu, miễn, giảm phí, lệ phí tại các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí**

***1.1. Về*** ***việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá***

Tại Điều 4 Thông tư số 168/2016/TT-BTC quy định về mức thu phí, lệ phí:

*“1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:*

*a) Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định...”*

Theo quy định tại Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) thì đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh không còn thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. Do đó, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi Điều 4 Thông tư số 168/2016/TT-BTC tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Thông tư như sau:

*“1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương ~~và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh~~:*

*a) Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định...”*

Khi đó mức phí sẽ phân chia theo khu vực thành phố trực thuộc trung ương và các khu vực khác thành phố trực thuộc trung ương.

***1.2. Về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú***

Tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 75/2022/TT-BTC quy định về trường hợp miễn lệ phí:

*“3. Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; công dân thường trú tại các xã biên giới; công dân thường trú tại các huyện đảo; công dân thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật.”*

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) thì đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh bao gồm: xã, phường, đặc khu tại hải đảo. Do đó, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 Thông tư số 75/2022/TT-BTC tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Thông tư như sau:

*“3. Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; công dân thường trú tại các xã biên giới; công dân thường trú tại các ~~huyện hải đảo~~* ***đặc khu****; công dân thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật.”*

***1.3. Về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ***

- Tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 60/2023/TT-BTC quy định: *“2. Các khu vực quy định tại Thông tư này được xác định theo địa giới hành chính, cụ thể như sau:*

*a) Khu vực I gồm: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm tất cả các quận, huyện trực thuộc thành phố không phân biệt nội thành hay ngoại thành.*

*b) Khu vực II gồm: Thành phố trực thuộc Trung ương (trừ Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh) bao gồm tất cả các quận, huyện trực thuộc thành phố không phân biệt nội thành hay ngoại thành; thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã bao gồm tất cả các phường, xã thuộc thành phố, thị xã không phân biệt phường nội thành, nội thị hay xã ngoại thành, ngoại thị.*

*c) Khu vực III gồm: Các khu vực khác ngoài khu vực I và khu vực II quy định tại điểm a và điểm b Khoản này.”*

- Tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 60/2023/TT-BTC quy định mức thu lệ phí cấp chứng nhận đăng ký, biển số phương tiện giao thông cụ thể cho từng khu vực.

- Theo Danh sách dự kiến tên gọi các tỉnh, thành phố và Trung tâm chính trị - hành chính (tỉnh lỵ) của 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII thì sau sáp nhập sẽ có 6 thành phố trực thuộc trung ương, trong đó một số tỉnh sẽ sáp nhập, hợp nhất vào thành phố trực thuộc trung ương (như: Hải Dương sáp nhập vào TP. Hải Phòng, Quảng Nam sáp nhập vào TP. Đà Nẵng,…).

Nếu áp dụng mức thu lệ phí cấp chứng nhận đăng ký, biển số phương tiện giao thông theo 03 khu vực như quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 60/2023/TT-BTC thì tổ chức, cá nhân tại các tỉnh (trừ thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã) sáp nhập vào thành phố trực thuộc trung ương khi được cơ quan công an có thẩm quyền cấp chứng nhận đăng ký, biển số phương tiện giao thông sẽ phải nộp lệ phí cấp chứng nhận đăng ký, biển số phương tiện giao thông với mức thu cao hơn.

Do đó, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4, khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 60/2023/TT-BTC tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Thông tư như sau:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Thông tư số 60/2023/TT-BTC như sau:

*“2. Các khu vực quy định tại Thông tư này được xác định theo địa giới hành chính, cụ thể như sau:*

*a) Khu vực I gồm: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm tất cả các ~~quận, huyện~~* ***xã, phường*** *trực thuộc thành phố không phân biệt nội thành hay ngoại thành* ***trừ đặc khu****.*

*b) Khu vực II gồm: ~~Thành phố trực thuộc Trung ương (trừ Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh) bao gồm tất cả các quận, huyện trực thuộc thành phố không phân biệt nội thành hay ngoại thành; thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã bao gồm tất cả các phường, xã thuộc thành phố, thị xã không phân biệt phường nội thành, nội thị hay xã ngoại thành, ngoại thị.~~*

*~~c) Khu vực III gồm:~~ Các khu vực khác ngoài khu vực I ~~và khu vực II~~ quy định tại điểm a ~~và điểm b~~ Khoản này.”*

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 60/2023/TT-BTC như sau:

*“1. Mức thu lệ phí cấp chứng nhận đăng ký, biển số phương tiện giao thông được thực hiện như sau:*

*Đơn vị tính: đồng/lần/xe*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Số TT* | *Nội dung thu lệ phí* | *Khu vực*  *I* | *~~Khu vực~~*  *~~II~~* | *Khu vực*  *II~~I~~* |
| *I* | *Cấp lần đầu chứng nhận đăng ký kèm theo biển số* |  |  |  |
| *1* | *Xe ô tô, trừ xe ô tô quy định tại điểm 2, điểm 3 Mục này* | *500.000* | *~~150.000~~* | *150.000* |
| *2* | *Xe ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống (bao gồm cả xe con pick-up)* | *20.000.000* | *~~1.000.000~~* | *200.000* |
| *3* | *Rơ moóc, sơ mi rơ moóc đăng ký rời* | *200.000* | *~~150.000~~* | *150.000* |
| *4* | *Xe mô tô* |  |  |  |
| *a* | *Trị giá đến 15.000.000 đồng* | *1.000.000* | *~~200.000~~* | *150.000* |
| *b* | *Trị giá trên 15.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng* | *2.000.000* | *~~400.000~~* | *150.000* |
| *c* | *Trị giá trên 40.000.000 đồng* | *4.000.000* | *~~800.000~~* | *150.000* |

*…*

*2. Tổ chức, cá nhân có trụ sở, nơi cư trú ở khu vực nào thì nộp lệ phí cấp chứng nhận đăng ký, biển số phương tiện giao thông theo mức thu lệ phí quy định tương ứng với khu vực đó.*

*Đối với trường hợp cấp chứng nhận đăng ký, biển số xe ô tô trúng đấu giá cho xe mới, tổ chức, cá nhân trúng đấu giá nộp lệ phí cấp chứng nhận đăng ký, biển số phương tiện giao thông, như sau: Đăng ký cấp giấy chứng nhận, biển số tại khu vực I áp dụng mức thu lệ phí tại khu vực I; đăng ký cấp giấy chứng nhận, biển số tại khu vực II ~~và khu vực III~~ áp dụng mức thu lệ phí tại khu vực II.”*

***1.4. Về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước***

Tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 73/2024/TT-BTC quy định: *“Miễn lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước đối với các trường hợp sau:…*

*3. Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; công dân thường trú tại các xã biên giới; công dân thường trú tại các huyện đảo; công dân thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật.”*

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) thì đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh bao gồm: xã, phường, đặc khu. Do đó, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 Thông tư số 73/2024/TT-BTC tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Thông tư như sau:

*“3. Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; công dân thường trú tại các xã biên giới; công dân thường trú tại các ~~huyện hải đảo~~* ***đặc khu****; công dân thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật.”*

**2. Về nguyên tắc áp dụng mức thu phí theo khu vực địa lý tại các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí**

***\* Về nguyên tắc áp dụng quy định tại Điều 3 Thông tư số 34/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động quan trắc môi trường***

- Tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 34/2023/TT-BTC quy định: “*1. Mức thu phí thẩm định cấp, điều chỉnh nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường được xác định theo công thức sau:…*

*- K: Hệ số vị trí địa lý theo khu vực của tổ chức đề nghị cấp, điều chỉnh nội dung giấy chứng nhận, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Thông tư này…*

*Mức thu phí thẩm định cụ thể như sau:*

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *M*  *K* | *Dưới 16 thông số (M = 1,0)* | *Từ 16 đến 30 thông số (M = 1,2)* | *Từ 31 đến 45 thông số (M = 1,4)* | *Từ 46 đến 60 thông số (M = 1,6)* | *Trên 60 thông số (M = 1,8)* |
| *Đồng bằng sông Hồng (K = 1,0)* | *42.000* | *50.400* | *58.800* | *67.200* | *75.600* |
| *Trung du và miền núi phía Bắc (K= 1,1)* | *46.200* | *55.440* | *64.680* | *73.920* | *83.160* |
| *Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung (K = 1,2)* | *50.400* | *60.480* | *70.560* | *80.640* | *90.720* |
| *Tây Nguyên (K = 1,3)* | *54.600* | *65.520* | *76.440* | *87.360* | *98.280* |
| *Nam Bộ (K= 1,4)* | *58.800* | *70.560* | *82.080* | *94.080* | *105.840* |

- Tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 34/2023/TT-BTC quy định hệ số địa lý theo khu vực

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khu vực địa lý** | **Các tỉnh/thành phố thuộc khu vực** | **Hệ số K** |
| 1 | Đồng bằng sông  Hồng *(gồm 10 địa phương)* | Bắc Ninh, Hà Nam, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Vĩnh Phúc. | 1,0 |
| 2 | Trung du và miền núi phía Bắc *(gồm 15 địa phương)* | Hà Giang, Bắc Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Thái Nguyên. | 1,1 |
| 3 | Bắc Trung Bộ và duyên hải miền        Trung *(gồm 14 địa phương)* | Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận. | 1,2 |
| 4 | Tây Nguyên *(gồm 5 địa phương)* | Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng. | 1,3 |
| 5 | Nam Bộ *(gồm*  *19 địa phương)* | Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Cần Thơ. | 1,4 |

***\* Về nguyên tắc áp dụng quy định tại Điều 3 Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ***

Tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 34/2017/TT-BTC quy định:

*“1. Mức phí đối với hồ sơ do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thẩm định.*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Số tt*** | ***Số hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ đề nghị cấp phép theo quy định*** | ***Mức thu phí***  *(1.000 đồng/hồ sơ)* | | |
| *Khu vực I* | *Khu vực II* | *Khu vực III* |
| *1* | *Dưới 03* | *7.280* | *12.900* | *23.140* |
| *2* | *Từ 03 đến 05* | *8.730* | *14.350* | *24.260* |
| *3* | *Từ 06 đến 08* | *9.210* | *14.840* | *24.670* |
| *4* | *Từ 09 đến 11* | *9.700* | *15.320* | *25.070* |
| *5* | *Từ 12 đến 14* | *10.190* | *15.810* | *25.480* |

*a) Khu vực I: Tổ chức đề nghị cấp phép có trụ sở chính tại Đồng bằng sông Hồng và Trung du, miền núi phía Bắc;*

*b) Khu vực II: Tổ chức đề nghị cấp phép có trụ sở chính tại Bắc Trung Bộ, Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên;*

*c) Khu vực III: Tổ chức đề nghị cấp phép có trụ sở chính tại Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.”*

Như đã trình bày tại mục I Thuyết minh, do tại thời điểm hiện nay chưa rõ việc phân chia vị trí địa lý theo khu vực sau sắp xếp đơn vị hành chính như thế nào nên chưa có cơ sở để đề xuất phương án sửa đổi cụ thể tại từng Thông tư. Tuy nhiên, để đảm bảo việc thực hiện thu phí, lệ phí thuận lợi sau khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính, Bộ Tài chính đề xuất xử lý về nguyên tắc đối với các trường hợp này tại Điều 2 dự thảo Thông tư như sau:

*“****Điều 2. Nguyên tắc áp dụng mức thu phí theo khu vực địa lý tại các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí***

*Trường hợp các khu vực địa lý quy định tại Điều 3 Thông tư số 34/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; Điều 3 Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có thay đổi sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính thì mức thu phí được áp dụng theo khu vực địa lý sau sắp xếp.”*

**IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH THÔNG TƯ VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

1. Dự thảo Thông tư chỉ sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho đồng bộ với pháp luật hiện hành; hoạt động tổ chức thu, nộp phí, lệ phí vẫn sử dụng nguồn nhân lực hiện có của các cơ quan cung cấp dịch vụ; không phát sinh thêm nguồn nhân lực, tài chính cho việc tổ chức thực hiện Thông tư.

2. Dự thảo Thông tư không quy định thủ tục hành chính thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và các Nghị định sửa đổi, bổ sung về kiểm soát thủ tục hành chính hiện hành.

**BỘ TÀI CHÍNH**